

Số: **03** /2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày **27** tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Thực hiện Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ tám (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 5 năm 2022. /.

**Nơi nhận:** TW

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành); HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT. *AT*

**CHỦ TỊCH**



**Phương Thị Thanh**

## QUY ĐỊNH

### Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Nghị quyết số **03** /2022/NQ-HĐND ngày **27** tháng 4 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là *Chương trình*) là căn cứ để lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí sự nghiệp trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố và các đơn vị có quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

### Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các cấp.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và phân bổ cụ thể ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hằng năm của các sở, ban, ngành và các cấp tại địa phương được thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### **Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh tại Niên giám thống kê năm 2020 và các ấn phẩm thống kê theo quy định.

2. Số hộ, số hộ nghèo, số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu tại Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao; đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

#### **Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình**

Hằng năm, ngân sách địa phương (nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh) bố trí đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp).

Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện phân bổ theo tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, tiểu dự án; ưu tiên thực hiện đối ứng các dự án, tiểu dự án theo tỷ lệ quy định của các Bộ, ngành Trung ương (nếu có).

**Chương II**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 6. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước của Dự án cho các huyện nghèo.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo

a) Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện

Quy mô dân số	Hệ số
Dưới 10.000 hộ	0,15
Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17

b) Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 45%	0,3
Từ 45% đến dưới 50%	0,33
Từ 50% đến dưới 55%	0,37
Từ 55% đến dưới 60%	0,41
Từ 60% đến dưới 65%	0,46
Từ 65% trở lên	0,5

c) Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo

Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	Hệ số
Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện:

Đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Từ 10 xã đến dưới 20 xã	0,12

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

a) Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức:  $A_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

$A_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i.

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i.

$Q$  là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương đối ứng) phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1.

b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

**Điều 7. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

1. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 15% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 85% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = HN_i \times 2,5 + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Dự án 2.

### **Điều 8. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Phân bổ cho các địa phương: Thực hiện phân bổ vốn theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

- Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi

Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi	Hệ số
Trên 20%	1,6
Từ 15% đến 20%	1,4
Từ 10% đến dưới 15%	1,2
Dưới 10%	1,0

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng trẻ em dưới 5 tuổi của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = HN_i \times 3 + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3.

#### **Điều 9. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Đối với vốn sự nghiệp

- Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

(Đối với Trường Cao đẳng Bắc Kạn tính điểm theo tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh)

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

(Đối với Trường Cao đẳng Bắc Kạn tính điểm theo tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân của tỉnh)

- Tiêu chí 3: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

<b>Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập</b>	<b>Hệ số</b>
Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1
Mỗi một trường cao đẳng	0,3

- Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh

<b>Số lượng tuyển sinh</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương, đơn vị báo cáo và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp.

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho đơn vị:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng đơn vị được tính theo công thức:

$$I_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

$I_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho đơn vị thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ  $i$ , được tính theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i)$$

$TL_i$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị thứ  $i$ .

$QM_i$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị thứ  $i$ .

$TR_i$  là hệ số tiêu chí cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của đơn vị thứ  $i$ .

$TS_i$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của đơn vị thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các đơn vị để hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4.

- Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

• Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

• Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

- Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương báo cáo và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp.

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

$K_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ  $i$ , được tính theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + HN_i + ĐV_i + TS_i$$

$TL_i$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$QM_i$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$TS_i$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 18% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 82% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$L_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ  $i$ .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện	Hệ số
Dưới 20.000 người	1,0
Từ 20.000 người đến dưới 30.000 người	1,3
Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người	1,6
Từ 40.000 người trở lên	1,9

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$M_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4.

#### **Điều 10. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

1. Vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện Dự án 5 căn cứ theo cơ sở kế hoạch vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm và nhu cầu thực tế của các địa phương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

2. Định mức hỗ trợ: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương; vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện theo tỷ lệ quy định (nếu có) và nhu cầu thực tế.

#### **Điều 11. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án (gọi là D); phần ngân sách còn lại (100% - 30% - D) thực hiện phân bổ cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = HN_i + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 35% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 65% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = HN_i + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6.

**Điều 12. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

1. Phân bổ ngân sách nhà nước của Dự án: Phân bổ tối đa 25% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 75% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

### 3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = HN_i + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Dự án 7.

## Chương III

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 13.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện nguyên tắc, tiêu chí và định mức nêu trên.

1. Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phân bổ vốn nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh theo quy định.

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức của Nghị quyết này. Phương án phân bổ kế hoạch vốn hàng năm căn cứ theo nhu cầu thực tế của tỉnh và số kế hoạch vốn giao của Trung ương, đảm bảo tổng kế hoạch vốn hàng năm của các đơn vị, địa phương bằng số kế hoạch vốn trung hạn theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thuộc Chương trình./.